TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/5/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Bà Lưu Thị Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diễn– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa**: Bà Đặng Xuân Mai– Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2019/TLST- HNGĐ ngày 22/02/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 04 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐ-HNGĐ, ngày 09/5/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Võ Huỳnh N; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Ông Trương Thanh P; Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Huỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Thanh P kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016 và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/02/2017. Lúc đầu sống rất hạnh phúc, đến ngày 12/02/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do ông P có rượu chè, không lo lắng cho vợ con, có tính cờ bạc, bà có khuyên ông P nhiều lần nhưng ông P không nghe, nên vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại, ông P có đánh bà nhiều lần và kể từ tháng 10/2018 thì ông bà sống ly

thân cho đến nay. Sau khi ly thân ông bà và gia đình hai bên không có gặp nhau bàn bạc. Nay bà N xin ly hôn với ông P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Trương Huỳnh Bảo T, sinh ngày 12/02/2018, hiện nay sống với bà N, nếu ly hôn bà N yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 25/03/2019, bị đơn ông Trương Thanh P trình bày: Ông P thống nhất với trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẩn; con chung; tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn. Sau khi ly thân gia đình hai bên và ông bà không gặp nhau bàn bạc.

Theo yêu cầu của bà N, ông P không đồng ý ly hôn với bà N, vì con còn nhỏ. Nếu ly hôn, ông P đồng ý giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trương Thanh P vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, ông P không phải cấp dưỡng cho cháu T, vì bà N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Thanh P là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Thanh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Huỳnh N và ông Trương Thanh P tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 2016, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do ông P có rượu chè, không lo lắng cho vợ con, có tính cờ bạc, bà N có khuyên ông P nhiều lần nhưng ông P không nghe, nên vợ chồng thường xuyên cải vả qua lại, ông P có đánh bà N vài bạc tay. Mặt khác, đối với bà N cũng có lời lẻ không tốt đối với gia đình bên ông P; gia đình hai bên cũng

bất đồng với nhau và ông bà sống ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay và cũng như sau khi Tòa án thụ lý có mời hai bên đến hòa giải và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà N kiên quyết ly hôn với ông P. Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2019 thì ông P không đồng ý ly hôn với bà N vì con còn nhỏ; Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2019, bà Phạm Thị L là cô ruột của ông P khai "bà có khuyên ngăn nhưng P và N không nghe" và cũng không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Võ Huỳnh N được ly hôn với ông Trương Thanh P.

[3] Về con chung: Bà Võ Huỳnh N và ông Trương Thanh P thừa nhận ông bà sống chung có 01người con chung là cháu Trương Huỳnh Bảo T, sinh ngày 12/02/2018, hiện nay sống với bà N. Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2019 thì ông P và bà N đồng ý giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng và còn bà N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy**, Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2019 thì ông P đồng ý giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận việc các đương sự đồng ý giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng là có căn cứ như nhận định trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho cháu T.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông P không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Võ Huỳnh N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 khoản 2, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng và ông P không phải cấp dưỡng cho cháu T, vì bà N không yêu cầu là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Huỳnh N được ly hôn với ông Trương Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Huỳnh Bảo T, sinh ngày 12/02/2018 cho bà Võ Huỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; Ông Trương Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con, vì bà N không yêu cầu;

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông P, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Huỳnh N chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006506, ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trương Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trương Thanh P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng,
- VKSND huyện Kế Sách,
- Chi cục THADS huyện K,
- Các bên đương sự,
- UBND xã Đ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng